



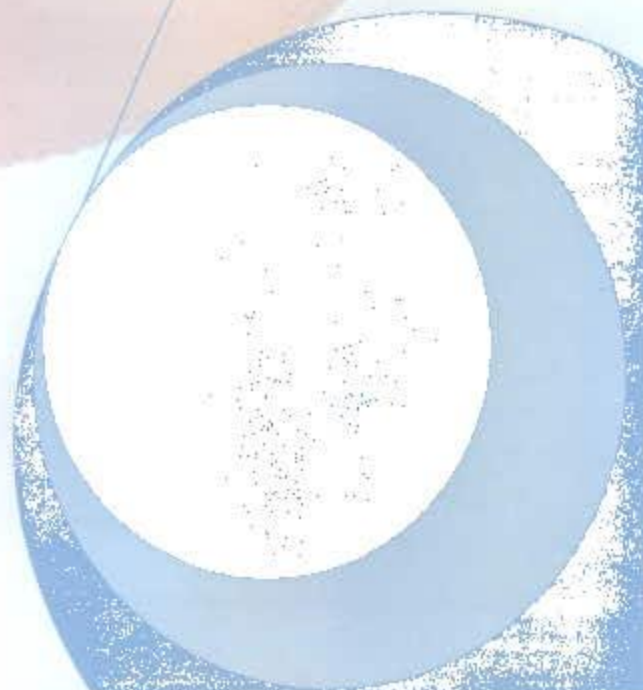
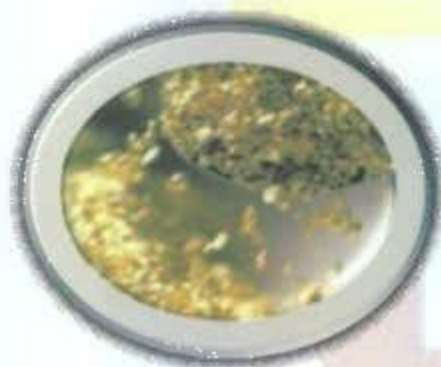
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIÊN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Lao Cai mining and mineral processing joint stock company

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 13694
	Giờ: Ngày 20 tháng 4 năm 12



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011





MỤC LỤC

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
1. Những sự kiện quan trọng	3
2. Quá trình phát triển	3
3. Định hướng phát triển.....	7
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
1. Kết quả hoạt động năm 2011	7
2. Những thay đổi chủ yếu trong năm.....	7
3. Những rủi ro có thể gặp trong hoạt động kinh doanh và chiến lược quản lý rủi ro của Công ty.....	8
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....	8
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	8
1. Báo cáo tình hình tài chính	8
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được	9
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	10
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13
1. Kiểm toán độc lập	13
2. Ý kiến của đơn vị Kiểm toán độc lập.....	13
3. Kiểm toán nội bộ.....	16
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	16
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	16
1. Cơ cấu tổ chức công ty	16
2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	17
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	26



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI
- Tên giao dịch quốc tế: LAO CAI MINERAL EXPLOITATION & PROCESSING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : LAOCAI JSC
- Trụ sở chính : Số nhà 045, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại : 0203.830.036
- Fax : 0203.830.036
- Web site : www.khoangsanlaocai.com.vn
- Vốn điều lệ : 85.680.000.000 đồng
- Mã chứng khoán : LCM

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tiền thân là Công ty TNHH Gia Long được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 2002 với số đăng ký kinh doanh là 12 02 000 192, Công ty TNHH Gia Long sau 06 lần thay đổi đăng ký doanh (lần cuối vào ngày 09 tháng 12 năm 2010), đã đổi tên thành Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành xuất sắc các nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước.

Từ một doanh nghiệp Cổ phần tư nhân với vốn điều lệ ban đầu là 2.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ 1 lên 80.000.000.000 đồng vào ngày 15/02/2010 bằng hình thức góp thêm vốn của Cổ đông Công ty. Công ty hoàn tất việc tăng vốn lần thứ 2 vào ngày 30/12/2010 với vốn điều lệ là 85.680.000.000 đồng. Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký Công ty Đại chúng lên UBCK Nhà nước và được vào danh sách công ty Đại chúng vào ngày 09/03/2011.

Ngày 16/09/2011 Công ty Cổ Phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là: LCM.

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;
- Tư vấn các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản;



- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế;
- Mua bán xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
- Mua bán hóa chất, vật tư phân bón phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp.

2.2. Tình hình hoạt động

2.2.1. Tình hình hoạt động tại các mỏ

Mỏ quặng chì kẽm tại Bản Mế, Lào Cai

- Diện tích khai thác: 09 ha.
- Công suất khai thác: 100.000 tấn/ năm
- Tinh quặng chì: Pb, hàm lượng Pb \geq 50%, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực EU;
- Tinh quặng kẽm: Zn, hàm lượng Zn \geq 50%, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra thị trường Quốc tế.
- Tiềm năng tài nguyên mỏ chì kẽm Bản Mế: Quặng chì kẽm phân bố trong các đá lục nguyên Cacbonat thuộc hệ tầng Chang pung tuổi Cambri. Chiều rộng đới 200 – 250m, dài trên 3km. Kết quả công tác tìm kiếm của Liên đoàn địa chất Intergeo đã phát hiện được 5 thân quặng, các thân quặng có chiều dài 150 – 380m, dày 0,5 – 5m. Khoáng vật quặng gồm galenit, sphalerit. Hàm lượng chì Pb: 0.6 – 6%, Zn: 4 – 12,5%. Tài nguyên dự báo khoảng 2.000.000 tấn quặng nguyên khai.
- Hiện tại Công ty có quyền khai thác mỏ chì kẽm tại Bản Mế huyện Si Ma Cai gồm 5 thân quặng và đang khai thác thân quặng số 1 với trữ lượng khoảng 472.000 tấn quặng với hàm lượng chì kẽm đạt gần 10%. Các thân quặng còn lại (số 2, 3, 4 và 5) cũng được đánh giá trữ lượng như thân quặng số 1, Công ty sẽ có nguồn quặng dồi dào, đủ sức đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất trong tương lai.
- Trung bình Quặng nguyên khai khai thác được có hàm lượng: Pb + Zn: 5-10%
- Với tiềm năng trữ lượng nêu trên, trữ lượng mỏ Bản Mế đủ cung cấp nguyên liệu cho nhà máy trong vòng 10- 15 năm tới.

Mỏ quặng chì kẽm tại Suối Thầu, Lào Cai

- Diện tích khu vực khai thác: 13,2 ha
- Công suất khai thác dự tính: 80.000 tấn/ năm
- Thời hạn khai thác: 10 năm tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2006, khi hết hiệu lực giấy phép sẽ tiếp tục xin gia hạn.
- Tiềm năng khoáng sản chì kẽm mỏ Suối thầu: Quặng chì kẽm phân bố trong các đá lục nguyên Cacbonat thuộc hệ tầng Chang pung tuổi Cambri. Kết quả công tác tìm kiếm của Liên đoàn địa chất Intergeo đã phát hiện được 6 thân quặng, mỗi thân dày trung bình: 0.5 – 1.5 m, có chiều dài: 50 – 240 m. Hàm lượng Pb: 1.5 – 10.6%, Zn: 4,6 -31%. Tài nguyên dự báo toàn mỏ Suối Thầu có khoảng 1.355.000 tấn quặng nguyên khai. Trung bình quặng nguyên khai khai thác được có hàm lượng: 10-15%
- Công ty đang tiến hành thăm dò ở 4 thân quặng và chuẩn bị đi vào khai thác thân quặng số 3 với dự tính trữ lượng khoảng 300.000 tấn quặng nguyên khai, đủ phục vụ cho nhà máy chì



kẽm 300 tấn/ngày của Công ty. Các thân quặng còn lại có triển vọng tương tự thân quặng số 3.

📍 Mô vàng tại Pắc Ta, Lai Châu:

- Diện tích khai thác: 26 ha
- Công suất khai thác, chế biến: 10.000 tấn quặng vàng/ năm
- Quặng khai thác từ mỏ có hàm lượng Au từ 5- 13g/m³, Sau quá trình tuyển khoáng có hàm lượng 50 -70g/ m³. Công ty đang đầu tư dây chuyền chiết xuất vàng thương phẩm có hàm lượng Au bằng 99,9%.

📍 Mô vàng tại Thung Chùa, Hòa Bình:

- Diện tích khai thác: 49,28 ha
- Công suất khai thác : 18.000 tấn quặng/ năm
- Thời hạn cấp phép: 13 năm, tính từ ngày 12 tháng 11 năm 2009
- Quặng khai thác từ mỏ có hàm lượng Au từ 6- 12g/m³, Sau quá trình tuyển khoáng có hàm lượng 50 -70g/ m³. Công ty đang đầu tư dây chuyền chiết xuất vàng thương phẩm có hàm lượng Au bằng 99,9%.

2.2.2. Hoạt động tại các công trường

Công ty được UBND tỉnh Lao Cai chấp thuận dự án đầu tư xây dựng công trình Xưởng tuyển quặng chì, kẽm Bản Mế, huyện Si Mai Cai. Nội dung của dự án đầu tư như sau:

- Đầu tư xây dựng mới Xưởng tuyển chì, kẽm với công suất 2000 tấn tinh quặng/năm.
- Xưởng sản xuất diện tích: 1.800m², kết cấu nhà khung thép chịu lực, tường xây gạch, chất vữa xi măng mác 50#, trong tường ốp thêm một lớp bông thủy tinh cách nhiệt, nền đổ bê tông mác 150, mái lợp tôn Đông Anh dày 0,37 ly, xà gồ U150, vì kèo thép.
- Nhà làm việc diện tích: 205m², nhà xây mái bằng đổ bê tông, lợp tôn chống nóng, nền lát gạch hoa.
- Nhà ở công nhân viên diện tích: 480m²; nhà bếp, nhà ăn diện tích 100m², nhà xây cấp 4, vì kèo thép, xà gồ gỗ, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.
- Các hạng mục phụ trợ khác: Vườn hoa cây cảnh, sân, đường nội bộ, bãi để xe, rãnh thoát nước, cấp điện, cấp nước...

2.2.3. Hoạt động Marketing và xây dựng thương hiệu

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường. Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Mặc dù Công ty đã đổi tên, tuy nhiên thương hiệu của Công ty vẫn được đông đảo bạn hàng và các đối tác biết đến không chỉ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Lai Châu mà còn lan tỏa, có chỗ đứng vững chắc trên địa bàn cả nước cũng như đối tác nước ngoài Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật và các nước khối EU.



2.2.4. Hoạt động xúc tiến đầu tư

Trong những năm vừa qua Công ty liên tục mở rộng hoạt động sản xuất, đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại, đổi mới công nghệ để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động tại các mỏ.

2.2.5. Công tác quản trị nhân sự & đào tạo

Tính đến hết năm 2011, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác và xây dựng của Công ty là 250 người, trong đó: biên chế chính thức 246.

Theo thời gian, đội ngũ nhân viên của Công ty không ngừng được củng cố và phát triển về cả chất lượng và số lượng. Từng bộ phận và bản thân mỗi CBCNV không ngừng rèn luyện, học hỏi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Công ty chủ trương tiếp tục chú trọng hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng nhân viên, phục vụ hiệu quả cho hoạt động SXKD.

2.2.6. Hoạt động của các bộ phận

📌 Phòng Tổ chức Nhân sự

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhân sự, lưu trữ hồ sơ, tài liệu Công ty đúng qui chế, qui định;
- Tuyển dụng, đào tạo nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ công việc cho các Phòng ban, Nhà máy, công trường.
- Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV.
- Vận dụng tốt các chế độ chính sách về lao động, tiền lương cho cán bộ công nhân viên.

📌 Phòng Tài chính - Kế toán

Năm 2011, Phòng tiếp tục duy trì việc liên hệ tốt với Ngân hàng, đáp ứng việc thanh toán kịp thời, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả. Phòng đã làm tốt công tác hạch toán nhanh và chính xác, tổ chức tốt các khâu hạch toán đúng niên độ. Giữ được tốt mối quan hệ với các đơn vị chủ quản và các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.

📌 Phòng Kinh doanh Tổng hợp

Tổ chức tốt công tác xây dựng các kế hoạch kinh doanh.

📌 Phòng Kế hoạch kỹ thuật

- Xây dựng tốt kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.



3. Định hướng phát triển

Lập quy hoạch phát triển bền vững cho các mỏ hiện Công ty đang khai thác hoặc đã được cấp phép và sẽ tiến hành khai thác trong thời gian tới. Xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu công nghệ thu hồi các khoáng chất và nguyên tố cộng sinh trong các mỏ.

Nghiên cứu áp dụng công nghệ chế biến và sử dụng lại các chất thải nhằm hình thành công nghệ ít hoặc không phế thải công nghiệp.

Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản cho từng mỏ khai thác, loại khoáng sản, vùng khoáng sản.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Kết quả hoạt động năm 2011

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT cùng sự nỗ lực của tập thể ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm 2011 Công ty đã phấn đấu thực hiện và đạt một số kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Mức độ hoàn thành kế hoạch 2011	Tăng trưởng so với năm 2010
Doanh thu	65	44,57	69%	674%
Lợi nhuận trước thuế	33	24,70	75%	910%
Lợi nhuận sau thuế	30	22,23	74%	905%

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Hoàn tất niêm yết cổ phiếu LCM của Công ty trên sàn Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh vào ngày 16/09/2011.
- Ngày 01/01/2011, Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai đã chính thức đưa dây chuyền sản xuất chì kẽm đầu tiên với công suất 200 tấn/ngày đi vào hoạt động.
- Ổn định hoạt động khai thác Mỏ quặng chì kẽm tại Bản Mế, Lào Cai.



3. Những rủi ro có thể gặp trong hoạt động kinh doanh và chiến lược quản lý rủi ro của Công ty

- Ngoài những rủi ro về các yếu tố vĩ mô nói chung như: tốc độ phát triển kinh tế, biến động giá cổ phiếu, lạm phát, ... Công ty có thể gặp những rủi ro đặc thù ngành như: điều kiện tự nhiên, môi trường, biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản hay những rủi ro về pháp luật như: định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi hay hạn chế, các chính sách về thuế, bảo vệ môi trường, giấy phép khai thác mỏ,...
- Để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng từ những rủi ro có thể gặp phải, ban lãnh đạo Công ty luôn có sự chủ động và điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành, luôn đề ra các phương án dự phòng, từ đó đáp ứng linh hoạt với tình huống mới.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Kết quả điều tra địa chất cho thấy trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Hơn nữa nhu cầu về các loại quặng nói chung trong nước và trên thế giới vẫn ngày một tăng cao cùng với sự phát triển kinh tế, do đó dự báo thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty là rất rộng mở.
- Với việc sở hữu nhiều mỏ có trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao, Công ty cố gắng phát huy tối đa các dự án khai khoáng, tạo tiền đề phát triển các lĩnh vực khác trong tương lai.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Doanh thu: Tổng doanh thu thực hiện năm 2011 là 44,57 tỷ đồng, so với kế hoạch 65 tỷ đồng đạt tỷ lệ 69% kế hoạch, so với doanh thu năm trước là 6,6 tỷ đồng, tăng hơn 6 lần.
- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2011 là 24,7 tỷ đồng, so với kế hoạch 33 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 75% kế hoạch, so với năm trước là 2,7 tỷ đồng, tăng 910%.
- Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2011 là 22,23 tỷ đồng, so với kế hoạch 30 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 74% kế hoạch, so với cùng kỳ năm trước là 2,45 tỷ đồng, tăng 905%.
- Như vậy tổng doanh thu chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, lợi nhuận chưa đạt được như kỳ vọng do tình hình chi phí hoạt động năm vừa qua tăng cao, mặc dù vậy so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng hơn 9 lần.
- Tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn là 52,1 tỷ đồng, chiếm 45,9% trong tổng tài sản của Công ty.
- Nợ phải trả: Nợ phải trả là 3,3 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước là 0,7 tỷ, tăng 2,57 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của Công ty tính đến ngày 31/12/2011 là 110,2 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu là 85,68 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 19,6%.
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu: 49,8%.



- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.595 đồng.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: 12.868 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu (cổ phiếu phổ thông): 8.568.000 CP.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Mức độ hoàn thành kế hoạch 2011	Tăng trưởng so với năm 2010
Doanh thu	65	44,57	69%	674%
Lợi nhuận trước thuế	33	24,70	75%	910%
Lợi nhuận sau thuế	30	22,23	74%	905%

Trong năm 2011, Công ty đã chú trọng đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng. Doanh thu từ lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu năm 2011, mang lại sự tăng trưởng vượt trội. Điều đó đã khẳng định việc Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh, khai thác khoáng sản là hoàn toàn đúng đắn và có cơ sở, tạo tiền đề cho việc phát triển Công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành khai khoáng.

Về mức độ hoàn thành kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận dù không hoàn thành kế hoạch đề ra nhưng so với năm 2010, chỉ tiêu lợi nhuận đã tăng hơn 9 lần, đây cũng là kết quả hết sức khả quan.

Với việc không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nguyên nhân khách quan một phần do tình hình kinh tế thế giới và rong nước trong năm 2011 vừa qua vẫn trong giai đoạn khó khăn, giá cả đầu vào liên tục tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mặt khác đa số các dự án của Công ty đang khai thác đều có thời gian đi vào hoạt động còn ngắn, chưa đủ phát huy hết công suất, dẫn đến hiệu quả chưa cao, chi phí trên mỗi đơn vị sản phẩm tăng.

Để khắc phục vấn đề này, trong thời gian tới ban Giám đốc sẽ đôn đốc các nhà máy, các bộ phận quản lý đẩy nhanh công tác ổn định sản xuất, tiết kiệm tối đa chi phí, nâng cao công suất, hiệu quả hoạt động. Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Cơ cấu lại ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng tập trung vào ngành nghề chiến lược và là thế mạnh của Công ty nhằm đưa Công ty phát triển vững mạnh trong tương lai.

Về chiến lược sản phẩm: Công ty chú trọng đầu tư cho máy móc, dây chuyền công nghệ hiện đại tạo ra các sản phẩm có giá trị cao.

Hoàn tất thủ tục niêm yết 8.568.000 cổ phiếu Công ty, mã chứng khoán LCM trên sàn giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh vào ngày 16/09/2011.



IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		52.149.485.742	31.750.006.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.412.916.351	2.870.537.588
1. Tiền	111		5.412.916.351	2.870.537.588
2. Các khoản tương đương tiền			2.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		25.204.127.254	18.114.024.171
1. Phải thu khách hàng	131		13.547.027.943	5.958.506.742
2. Trả trước cho người bán	132		10.369.511.821	11.821.090.544
5. Các khoản phải thu khác	135		1.287.587.490	334.426.885
IV. Hàng tồn kho	140	7	12.432.442.137	10.222.444.275
1. Hàng tồn kho	141		12.432.442.137	10.222.444.275
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	8	2.100.000.000	543.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.100.000.000	543.000.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		61.422.883.298	57.013.605.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.473.605.508	54.964.387.029
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	51.473.605.508	54.964.387.029
- Nguyên giá	222		59.873.544.245	59.873.544.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.399.938.737)	(4.909.157.216)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	6.010.000.000	490.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.010.000.000	490.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.939.277.790	1.559.218.911
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.939.277.790	1.559.218.911



**TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 +
200)**

270 113.572.369.040 88.763.611.974

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.318.673.648	741.677.252
I. Nợ ngắn hạn	310		3.318.673.648	741.677.252
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.267.660.499	741.499.252
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		51.013.149	178.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		110.253.695.392	88.021.934.722
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	13	110.253.695.392	88.021.934.722
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.680.000.000	85.680.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.573.695.392	2.341.934.722
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		113.572.369.040	88.763.611.974

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	14	44.576.826.518	6.613.636.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		44.576.826.518	6.613.636.364
4. Giá vốn hàng bán	11	15	17.831.675.849	2.863.144.694
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.745.150.669	3.750.491.670
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	352.109.400	1.243.100
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.395.303.770	1.036.267.432
	11			



10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.701.956.299	2.715.467.338
{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}				-
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.701.956.299	2.715.467.338
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	2.470.195.629	260.214.969
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập nghiệp	60		22.231.760.670	2.455.252.369
(60 = 50 - 51 - 52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	2.595	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		24.701.956.299	2.715.467.338
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		3.490.781.521	1.919.819.182
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(352.109.400)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		27.840.628.420	4.635.286.520
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(8.247.333.534)	(15.666.941.882)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.209.997.862)	(1.493.402.459)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		701.922.032	(310.226.335)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.380.058.879)	(606.107.870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(644.890.814)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.060.269.363	(13.441.392.026)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	(14.000.000)



và các tài sản dài hạn khác

3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.520.000.000)	(490.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.109.400	1.243.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.517.890.600)	(502.756.900)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	33.463.450.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.754.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	16.709.450.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	4.542.378.763	2.765.301.074
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.870.537.588	105.236.514
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	7.412.916.351	2.870.537.588

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán KRESTON ACA Việt Nam
Địa chỉ: P1504, Tòa nhà 17T-5, Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội
ĐT: (84)-(04) 62811488 Fax: (84)-(04) 62811499
Kiểm toán viên: Nguyễn Anh Dũng, chứng chỉ kiểm toán viên số 1379/KTV

2. Ý kiến của đơn vị Kiểm toán độc lập

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai



Kính gửi:

**Các cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011 từ trang 04 đến trang 20 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan đến số dư khoản mục trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 10.369.511.821 đồng. Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được đúng đắn số dư trả trước cho người bán tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Khoản cho vay đối với Ông Lưu Công Cường (là em trai của Bà Lưu Thị Thanh Mai - thành viên Hội đồng Quản trị) như đã được trình bày tại Thuyết minh số 6 – Đầu tư tài chính ngắn hạn của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, cũng như tùy thuộc vào việc phê duyệt của Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị về khoản cho vay đối với Ông Lưu Công Cường, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/01/2011 đến ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trần Văn Thức
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0554/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA
VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Anh Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên :
1379/KTV



***, Xác nhận của Công ty Kiểm toán về hạn chế trong Báo cáo Kiểm toán 2011**



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM

Văn phòng Hà Nội :
P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội
Tel: (84 4) 6 2811 488 Fax: (84 4) 6 2811 499
E-mail: contact@krestonaca.vn www.krestonaca.vn

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam xác nhận rằng:

- Về hạn chế phạm vi kiểm toán:

Đến thời điểm này, chúng tôi đã nhận được xác nhận công nợ về số tiền mà Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai đã ứng trước cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và môi trường Đại Việt là 10.000.000.000 (mười tỷ đồng chẵn) để thực hiện hợp đồng mua bán đã ký giữa hai bên vào ngày 16 tháng 11 năm 2011 trên tổng số tiền mà Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai đã ứng trước cho người bán là: 10.369.511.821 đồng.

- Về hạn chế trong xử lý kế toán:

Chúng tôi đã kiểm tra giấy nộp tiền của ông Lưu Công Cường vào tài khoản của Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai với số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng chẵn) để trả số tiền đã vay của Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 29/3/2012.

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2012



Trần Văn Thức
Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International



3. Kiểm toán nội bộ

- Ban kiểm soát không thấy có bất cứ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Ban kiểm soát nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Các nhận xét đặc biệt: không có.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty: không có

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ: không có

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình
- Địa chỉ: Tổ 3, Tiểu Khu Liên Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
- Tỷ lệ vốn góp: Vốn điều lệ: 01 tỷ đồng, trong đó LCM chiếm 49% vốn điều lệ.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức công ty



Diễn giải sơ đồ

- Trụ sở chính: Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai
- Địa chỉ: Số nhà 045, Đường Phan Đình Phùng, phường Phố mới, Tp. Lào Cai



Điện thoại : 0203.830.036

Fax : 0203.830.036

☛ Các đơn vị trực thuộc: Công ty có 04 đơn vị trực thuộc như sau:

- **Nhà máy khai thác và chế biến chì kẽm Bản Mế**

Địa chỉ: thôn Na Pá 2 và Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

Chức năng chính: Khai thác và chế biến chì, kẽm tại công trường.

- **Xí nghiệp khai thác và chế biến vàng Pắc Ta**

Địa chỉ: Xã Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Chức năng chính: Khai thác và chế biến quặng vàng tại công trường.

- **Xí nghiệp khai thác chì kẽm Suối Thầu**

Địa chỉ: Xã Bản Xen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

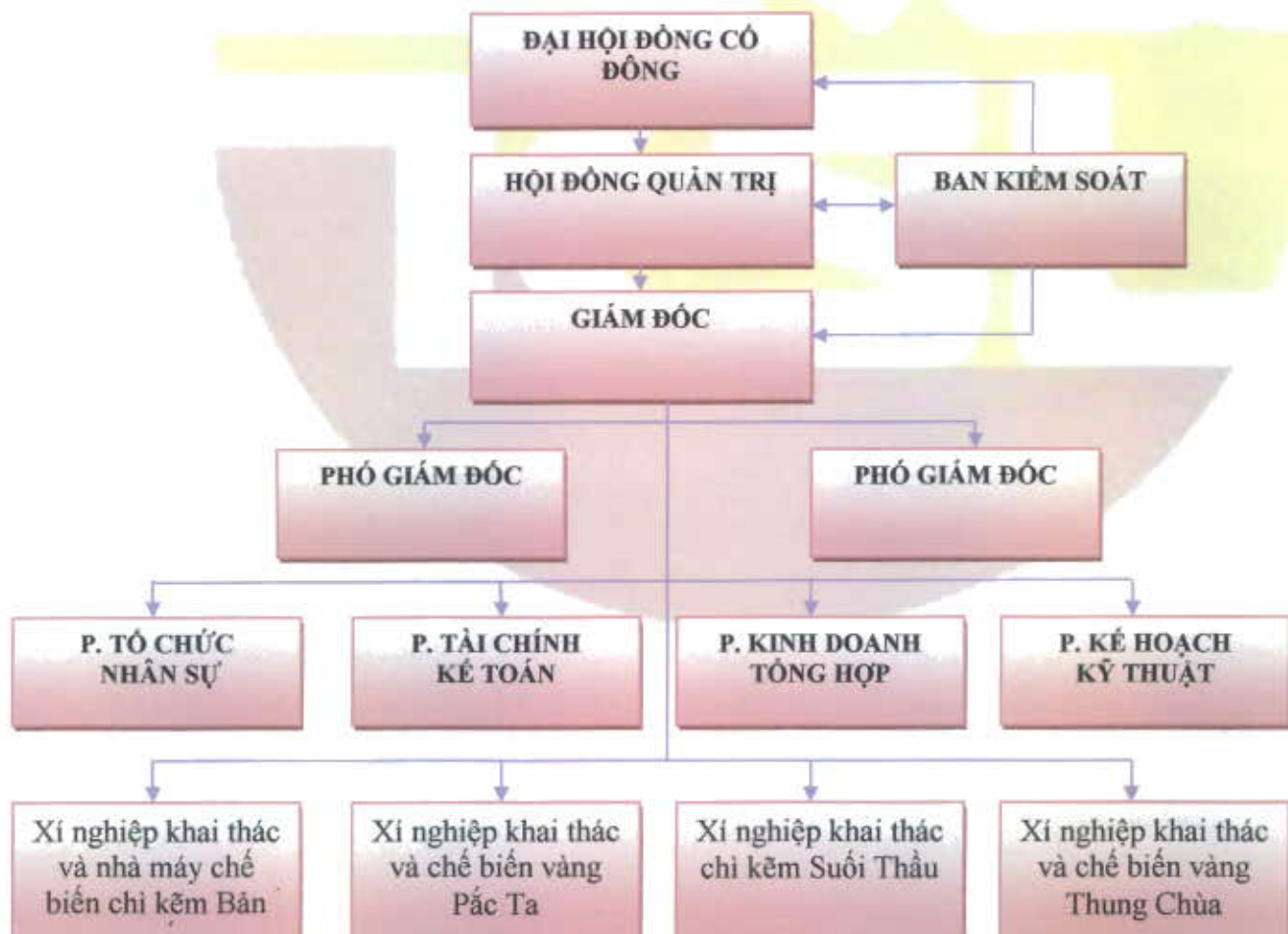
Chức năng chính: Khai thác chì, kẽm để sử dụng làm nguồn nguyên liệu để đảm bảo cho hoạt động của xưởng tuyển quặng chì, kẽm mà Công ty đầu tư tại xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- **Xí nghiệp khai thác và chế biến vàng Thung Chùa.**

Địa chỉ: Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

Chức năng chính: Khai thác và chế biến quặng vàng tại công trường.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty





Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho cả cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, lý luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.



- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD, HĐQT và Pháp luật và những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCD, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCD thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCD báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCD bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

Các phòng ban nghiệp vụ

Phòng Tổ chức Nhân sự: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;



- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh Tổng hợp: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của công ty. Cố vấn cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới.
- Quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.



TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Ông : BÙI ĐỨC THANH

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/01/1954
- Chứng minh thư nhân dân : 012750826 Ngày cấp: 25/03/2005 Nơi cấp: CA HN
- Quốc tịch : Việt Nam ;
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Tử - Yên Mô- Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy-P.Dịch Vọng - HN
- Trình độ văn hóa : 10/10 ;
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 1985 -1991	Công tác tại tỉnh Bắc Thái
Từ năm 1991 – 1995	Công tác tại Công ty Sản xuất dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên
Từ năm 1995-2002	Giám đốc công ty TNHH khoáng sản Bắc Kạn
Từ năm 2002 đến năm 2011	Giám đốc Công ty TNHH Gia Long (nay là LCM)
Từ tháng 01/2011 đến nay	Chủ tịch kiêm Giám đốc LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 1.400.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 70.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Bùi Văn Dũng	Em	10.000
Bùi Thị Hồng Nhung	Con	10.000
Bùi Văn Hậu	Em	10.000
Bùi Thái Linh	Con	10.000
Bùi Hoàng Năm	Em	5.000
Bùi Văn Lê	Em	5.000
Phùng Thị Thùy	Vợ	10.000
Bùi Quốc Bình	Em	10.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không



Bà: LƯU THỊ THANH MAI

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 03/07/1960
- Chứng minh thư nhân dân : 013083214, ngày cấp: 26/04/2008 tại C.A Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam ;
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Tân-Nam Trực-Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 165-Đường Cầu Giấy -P.Dịch Vọng -TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10 ;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân sư phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 1985 -1995	GV trường Đội Cấn- Tp Thái Nguyên
Từ năm 1995-2002	Chủ tịch HĐQTV công ty TNHH khoáng sản Bắc Kạn
Từ năm 2002 đến 2011	Thành viên góp vốn, nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Gia Long
Từ 01/2011 đến nay	Ủy viên HĐQT của LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 800.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 65.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Nguyễn Quốc Việt	Con	40.000
Lưu Công Sơn	Anh	10.000
Lưu Công Thái	Anh	5.000
Lưu Công Cường	Em	10.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không



Ông: VŨ ANH TUÂN

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/10/1963
- Chứng minh thư nhân dân : 090615973 cấp ngày: 05/01/2010 tại Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam ;
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Thế - Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 , phường Trung Thành , Tp. Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghiệp Thái Nguyên
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 1993-1998	Sinh viên Đại học Công nghiệp Thái Nguyên
Từ năm 1991 đến nay	Trưởng phòng tổng hợp Công ty Cổ phần Cơ điện luyện kim

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc Công ty TNHH Tân Hiệp Phát
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 38.700 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không



Bà: PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 26/09/1989
- Chứng minh thư nhân dân : 151736941 cấp ngày 21/07/2004 tại CA Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Thịnh –Thái Thụy – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 165 Cầu Giấy, P.Dịch Vọng, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2008 - 2011	Nhân viên Công ty TNHH Gia Long (nay là LCM)
Từ tháng 01/2011 đến nay	Ủy viên HĐQT của LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không;
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 40.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Nguyễn Quốc Việt	Chồng	40.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không



Bà: BÙI THỊ HỒNG NHUNG

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 02/12/1987
- Chứng minh thư nhân dân : 012750804 Ngày cấp: 01/06/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Từ- Yên Mô- Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy, Dịch Vọng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán tài chính- Đại học Monash-Australia
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
--------------------	------------------

- | | |
|---------------------------|--|
| Từ năm 2009 đến 2011 | Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty TNHH Gia Long (nay là LCM) |
| Từ tháng 01 /2011 đến nay | Ủy viên Hội đồng Quản trị LCM |

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần sở hữu : 10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 1.420.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
---------------------------	---------	------------------------------

Bùi Thái Linh	Chị	10.000
Bùi Đức Thanh	Bố	1.400.000
Phùng Thị Thủy	Mẹ	10.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không



3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: không có

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc theo quy chế Công ty.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến hết năm 2011, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác và xây dựng của Công ty là 250 người, trong đó: Biên chế chính thức 246.

Theo thời gian, đội ngũ nhân viên của Công ty không ngừng được củng cố và phát triển về cả chất lượng và số lượng. Từng bộ phận và bản thân mỗi CBCNV không ngừng rèn luyện, học hỏi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Công ty chủ trương tiếp tục chú trọng hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng nhân viên, phục vụ hiệu quả cho hoạt động SXKD.

6. Thay đổi thành viên hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong năm 2011 không có sự thay đổi thành viên hội đồng quản trị.

7. Thay đổi thành viên hội ban kiểm soát

Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên, trong năm 2011 không có sự thay đổi thành viên ban kiểm soát.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên do Ông Bùi Đức Thanh làm Chủ tịch, trong đó có 03 thành viên độc lập, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1	Bùi Đức Thanh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1.400.000	16,34%
2	Lưu Thị Thanh Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị	800.000	9,34%
3	Vũ Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	38.700	0,45%
4	Phạm Thị Hoài Thương	Ủy viên Hội đồng Quản trị	5.000	0,06%
5	Bùi Thị Hồng Nhung	Ủy viên Hội đồng Quản trị	10.000	0,12%

Năm 2011, HĐQT đã quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHCĐ. Các hoạt động cụ thể như sau:



- Triển khai việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đến Ban Giám đốc và các bộ phận trong toàn Công ty.
- HDQT thống nhất cao về mục tiêu cùng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- Hàng tuần HDQT thường xuyên cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban cùng trưởng các bộ phận để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban Giám đốc nhằm điều hành hoạt động của Công ty hàng ngày theo đúng định hướng và mục tiêu của ĐHĐCĐ đã đề ra.
- Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch sản xuất quý sau.
- Ban hành các nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ... và các Quyết định về chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, quản lý, đầu tư.
- Chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng Nội quy Công ty và cho ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban. Hướng dẫn, chỉ đạo việc bổ sung và chỉnh sửa quy chế hoạt động tài chính của Công ty cho phù hợp với quy định của Luật pháp hiện hành.
- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng ban Kiểm soát
2	Nguyễn Hữu Việt	Thành viên ban kiểm soát
3	Lê Văn Nam	Thành viên ban Kiểm soát

Trong năm 2011 Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động sau:

- Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát; thường xuyên tổ chức họp để trao đổi kế hoạch công việc về chuyên môn nghiệp vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát;
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, sản xuất, kinh doanh của phòng tài chính kế toán cung cấp;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán;
- Thực hiện việc kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty, các hoạt động phòng ban;



- Thường xuyên có báo cáo gửi HĐQT kết quả kiểm tra, giám sát;
- Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung các quy định trong quy trình, quy chế để cải tiến các hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật.

3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Năm 2012, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của ĐHĐCĐ và quyền lợi của cổ đông.

Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty.

4. Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/06/2011	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2011	Thay đổi tỷ lệ sở hữu
	Hội đồng quản trị	26,31%	26,31%	0%
1	Bùi Đức Thanh	16,34%	16,34%	0%
2	Lưu Thị Thanh Mai	9,34%	9,34%	0%
3	Vũ Anh Tuấn	0,45%	0,45%	0%
4	Phạm Thị Hoài Thương	0,06%	0,06%	0%
5	Bùi Thị Hồng Nhung	0,12%	0,12%	0%
	Ban kiểm soát	0,12%	0,12%	0%
1	Nguyễn Thị Mai Hương	0,06%	0,06%	0%
2	Lê Văn Nam	0,06%	0,06%	0%
3	Nguyễn Hữu Việt	0%	0%	0%
	Cộng	26,43%	26,43%	0%

5. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

5.1 Cổ đông Nhà nước

Không có

5.2 Cơ cấu cổ đông Công ty tính đến thời điểm ngày 31/12/2011



STT	Cơ cấu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông là cá nhân	8.568.000	100%
1.1	Cá nhân trong nước	8.568.000	100%
1.2	Cá nhân nước ngoài	0	0%
2	Cổ đông là tổ chức		
2.1	Tổ chức trong nước	0	0
2.2	Tổ chức nước ngoài	0	0
Tổng cộng		8.568.000	100%

5.3 Cổ đông sáng lập

Không có

5.4 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2011

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Đức Thanh	165 Đường Cầu Giấy - P.Dịch Vọng - TP Hà Nội	012750826	1.400.000	16,34%
2	Lưu Thị Thanh Mai	165 Đường Cầu Giấy - P.Dịch Vọng - TP Hà Nội	013083214	800.000	9,34%
3	Phạm Thị Phương Hòa	Yên Từ, Yên Mô, Ninh Bình	164014998	447.000	5,22%

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BÙI ĐỨC THANH